

Số: /KH-UBND

Phường Chu Văn An, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Thực hiện Kế hoạch hành động số 30-KH/ĐU ngày 13/10/2025 của Đảng ủy phường thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại phường Chu Văn An

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Kế hoạch hành động số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Thực hiện kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU; Kế hoạch hành động số 30-KH/ĐU ngày 13/10/2025 của Đảng ủy phường thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại phường Chu Văn An.

Ủy ban nhân dân phường Chu Văn An xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW) và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị

quyết số 57-NQ/TW (Nghị quyết số 71/NQ-CP); Kế hoạch hành động số 12-KH/TU; Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố; Kế hoạch hành động số 30-KH/ĐU ngày 13/10/2025 của Đảng ủy phường.

Xác định nhiệm vụ cụ thể để các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn phường tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch, chú trọng phân công nhiệm vụ cụ thể với tinh thần 5 rõ “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và từng cá nhân liên quan; tổ chức triển khai, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP bảo đảm việc triển khai các nội dung về phát triển khoa học công nghệ (KH-CN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CĐS) được gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số của phường.

2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai đồng bộ và thống nhất các nhiệm vụ trên địa bàn phường, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện với lộ trình, thời gian và phân công trách nhiệm cụ thể; thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá kết quả để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc phường với các tổ dân phố, đoàn thể chính trị - xã hội trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Tập trung thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu đề ra của Kế hoạch thông qua việc hoàn thiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KH-CN, ĐMST, CĐS. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số. Đẩy mạnh CĐS, ứng dụng KH-CN, đổi mới toàn diện trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, đồng thời tích cực hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, ĐMST, CĐS để phát triển kinh tế số. Chủ động phối hợp triển khai các chương trình đào tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ theo hướng dẫn của thành phố.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu.

- Hoàn thiện chính quyền số, nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng phục vụ; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân,

doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Phát triển xã hội số và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại; tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng và chủ quyền số, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

- Tăng cường chuyển đổi xanh gắn với chuyển đổi số, kết hợp chuyển đổi số và chuyển đổi xanh để giảm thiểu phát thải carbon và bảo vệ môi trường; triển khai các giải pháp quản lý thông minh trong giao thông, năng lượng và quản lý tài nguyên.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Các chỉ tiêu theo Nghị quyết 71/NQ-CP

Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân phường phân công việc theo dõi đánh giá các chỉ tiêu cụ thể cho các cơ quan, đơn vị thực hiện (*Chi tiết tại Phụ lục 1*) kèm theo Kế hoạch này.

2.2. Các chỉ tiêu đánh giá theo giai đoạn 5 năm

Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Ủy ban nhân dân phường xác định các mục tiêu cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện theo 5 giai đoạn (đến hết năm 2025; đến hết năm 2030; đến hết năm 2035; đến hết năm 2040; đến hết năm 2045); tập trung thực hiện các mục tiêu về: (1) Phát triển hạ tầng; (2) Phát triển nguồn lực; (3) Phát triển khoa học và công nghệ; (4) Phát triển chuyển đổi số (*Chi tiết tại Phụ lục 2*).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn phường về phát triển KHCN, ĐMST và CDS

1.1. Xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ và Kế hoạch hành động của Thành ủy theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua hệ thống thông tin cơ sở như qua hệ thống phát thanh, loa truyền thanh, cổng TTĐT, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác.

1.2. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ và Kế hoạch hành động của Thành ủy, UBND thành phố theo hướng “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”; Kế hoạch cần phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ và cần xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, ...), lượng hóa, cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm để theo dõi và đánh giá hiệu quả triển khai.

1.3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS giao trách nhiệm cho lãnh đạo, công chức, viên chức các phòng ban chuyên môn trong việc thực hiện kế hoạch về phát triển KHCN, ĐMST và CDS hằng năm. Rà soát tiêu chuẩn chức danh công chức, lãnh đạo quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước, phân đấu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo.

1.4. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về KHCN, ĐMST, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

1.5. Phát động phong trào thi đua trong toàn phường để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân và Nhân dân trên địa bàn thực hiện thắng lợi Kế hoạch. Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc; Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

1.6. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Đề xuất cơ chế, chính sách; xoá bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

2.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tích cực ứng dụng khoa học – công nghệ và chuyển đổi số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2.3. Phối hợp đề xuất, triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn của phường.

2.4. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ do cấp trên ban hành, hướng tới mục tiêu phát triển đến năm 2030.

2.5. Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST và CDS

2.6. Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

2.7. Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố.

2.8. Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển KHCN, ĐMST và CDS tại địa phương.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST và CDS

3.1. Xây dựng kế hoạch về Chuyển đổi số trên địa bàn phường theo từng giai đoạn 5 năm, đảm bảo mục tiêu đến năm 2045

3.2. Bố trí nguồn ngân sách phù hợp với điều kiện của địa phương đầu tư trang thiết bị hạ tầng số đồng bộ, hiện đại.

3.3. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

3.4. Triển khai hiệu quả chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số, thực hiện đánh giá kết quả đạt được; Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động phủ sóng toàn phường.

3.5. Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

3.6. Chuyển đổi số tại cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành cụm công nghiệp thông minh. Thúc đẩy, phát

triển một số ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghiệp Internet vạn vật (IoT) như sản xuất, thương mại, nông nghiệp, giao thông, y tế...

3.7. Khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, các địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo; Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với một số ngành, lĩnh vực quan trọng.

3.8. Thực hiện ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực hành chính công, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) dựa trên dữ liệu lớn trong các giải pháp phát triển các ứng dụng công nghệ số, gắn với công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm theo hướng đi tắt, đón đầu; thúc đẩy việc sử dụng AI nhằm nâng cao năng suất lao động trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, hướng tới hình thành xã hội số thông minh, hiệu quả.

3.9. Đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật ở từng cấp thường xuyên kiểm tra, giám sát đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối các hệ thống thông tin; Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CDS

4.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của đội ngũ trí thức, nhân lực chất lượng cao đối với sự phát triển kinh tế – xã hội và chuyển đổi số của địa phương.

4.2. Khuyến khích các tổ chức, đoàn thể, trường học tổ chức các hoạt động giáo dục sáng tạo, cuộc thi khởi nghiệp, ý tưởng sáng tạo trong học sinh, đoàn viên, thanh niên.

4.3. Tạo điều kiện để cán bộ, công chức thường tham gia các chương trình đào tạo, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý dữ liệu, phục vụ hiệu quả công tác chuyển đổi số.

4.4. Vận động người dân, hộ kinh doanh tham gia các nền tảng học trực tuyến, các chương trình đào tạo phổ cập kỹ năng số do cơ quan cấp trên hoặc tổ chức xã hội triển khai.

4.5. Đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp, định hướng cho học sinh theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hóa học, kỹ thuật...; triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng trên các lĩnh vực.

4.6. Tăng cường tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng kiến thức về KHCN, ĐMST, kỹ năng số, công nghệ số do cấp trên tổ chức; Phát động phong trào “học tập số”, Chương trình “Bình dân học vụ số” nhằm mang lại cơ hội tiếp cận tri thức và nâng cao năng lực học

tập cho người dân, đảm bảo tính phổ cập và hiệu quả.

5. Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

5.1. Triển khai hiệu quả chương trình, kế hoạch phát triển chính quyền số, chính quyền điện tử; Phối hợp với các cơ quan, đơn vị để đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị.

5.2. Tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành; thực hiện chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa chính quyền và người dân; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

5.3. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; Phát triển các nền tảng số đảm bảo an toàn, tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân. Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

5.4. Triển khai các nền tảng số, tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu. Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số. Triển khai ứng dụng các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, thương mại điện tử, giáo dục, y tế, đô thị, môi trường,... Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

5.5. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao. Nghiên cứu xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hóa, các di sản văn hóa số đối với di tích cấp Quốc gia, di tích cấp tỉnh.

5.6. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trọng tâm của phường và liên kết chuỗi giá trị sản phẩm trên địa bàn thành phố.

5.7. Triển khai các hệ thống và nền tảng số về giám sát và thu thập dữ liệu môi trường, quản lý tài nguyên, thiên nhiên, nguồn nước, chất thải; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh theo hướng dẫn của thành phố.

5.8. Đảm bảo hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Rà soát hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, giảm thiểu hồ sơ giấy và giao dịch trực tiếp.

5.9. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số chuyên dùng (Phần mềm, phần cứng) phục vụ nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước.

5.10. Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; Triển khai các biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động KHCN, ĐMST và CDS trong doanh nghiệp

6.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh hợp tác xã ứng dụng các nền tảng số, công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh.

6.2. Phối hợp với các sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động tư vấn, tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử nhằm thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã thực hiện ứng dụng chuyển đổi số, đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh, thương mại hóa sản phẩm sáng tạo, tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

6.3. Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa các sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

6.4. Vận động, khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh sử dụng phần mềm quản lý, thanh toán không dùng tiền mặt, tham gia các nền tảng bán hàng trực tuyến nhằm nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh.

6.5. Đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, du lịch...

6.6. Phối hợp cung cấp thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số do thành phố triển khai; giới thiệu, nhân rộng các mô hình sản xuất - kinh doanh ứng dụng công nghệ hiệu quả trên địa bàn. Tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận thông tin, thủ tục hành chính, đăng ký dịch vụ công trực tuyến.

7. Tăng cường hợp tác trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS

7.1. Tăng cường tổ chức học tập kinh nghiệm các đơn vị, địa phương có mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của phường. Tìm kiếm, thiết lập kênh kết nối, trao đổi kinh nghiệm với các phường, xã khác trong thành phố để chia sẻ mô hình hay, cách làm hiệu quả trong công tác chuyển đổi số,

ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý

7.2. Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn phường xây dựng các chương trình phối hợp về tuyên truyền, tập huấn kỹ năng số, giới thiệu giải pháp công nghệ phù hợp với người dân, tổ dân phố và hộ kinh doanh. Huy động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn phường tham gia hỗ trợ triển khai mô hình chuyển đổi số cộng đồng, ứng dụng công nghệ trong dịch vụ công, quản lý dân cư, xử lý phản ánh hiện trường và quảng bá du lịch...

7.3. Học tập kinh nghiệm các mô hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm về KHCN, ĐMST, CDS phù hợp với thực tiễn và điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương; Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn lực bên ngoài để đầu tư phát triển kinh tế trên địa bàn.

8. Tăng cường giám sát đánh giá

- Phối hợp tăng cường thực hiện giám sát trực tuyến để theo dõi tiến độ triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch. Đảm bảo công khai các thông tin về tiến độ, nguồn lực sử dụng và kết quả thực hiện của từng nhiệm vụ để các bên liên quan dễ dàng truy cập.

- Thực hiện báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch theo quy định. Phân công các phòng ban, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện từng phần nhiệm vụ được giao.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, ban, cơ quan đơn vị liên quan

- Căn cứ Kế hoạch này, các phòng chuyên môn và các đơn vị có liên quan trên địa bàn phường Chu Văn An chủ động xây dựng nội dung thực hiện cụ thể, đảm bảo thiết thực, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tiễn của phường.

- Các phòng ban, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ hàng năm theo tinh thần 5 rõ (rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm), trong đó cụ thể hóa các nhiệm vụ, phân công rõ trách nhiệm, đề ra các giải pháp, lộ trình cụ thể, phù hợp với thực tiễn của từng phòng, ban, đơn vị.

- Thực hiện nhiệm vụ được phân công tại **Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3** kèm theo Kế hoạch này.

- Các phòng, ban, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện định kỳ theo tháng, quý, năm về UBND phường qua phòng Văn hóa- Xã hội để tổng hợp.

2. Phòng Văn hóa-Xã hội

Thực hiện nhiệm vụ được giao theo phụ lục gửi kèm và nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch.

Nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của đơn vị để kịp thời báo cáo các cấp có thẩm quyền.

Thường xuyên thực hiện kiểm tra thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Theo dõi, đôn đốc tiến độ và định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND thành phố.

Cập nhật tiến độ thực hiện Nghị Quyết 57 trên hệ thống thông tin giám sát đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW tại địa chỉ [http:// www.nq57.vn](http://www.nq57.vn)

3. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này phù hợp với khả năng cân đối ngân sách phường.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc phường và các ngành đoàn thể phường

Phối hợp thực hiện tuyên truyền vận động công chức, viên chức hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện nhiệm vụ trong Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Kế hoạch hành động số 30-KH/ĐU ngày 13/10/2025 của Đảng ủy phường thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của UBND phường Chu Văn An./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy; (Đề b/c)
- TT HĐND, lãnh đạo UBND;
- Ủy ban MTTQ;
- Phòng, ban chuyên môn, đơn vị;
- Công an phường;
- Hiệu trưởng các nhà trường;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thương

PHỤ LỤC 1: CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 71/NQ-CP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
1	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			
1.1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Trung tâm phục vụ HCC
1.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Trung tâm phục vụ HCC
1.3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Trung tâm phục vụ HCC
1.4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Trung tâm phục vụ HCC
1.5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Trung tâm phục vụ HCC
1.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Trung tâm phục vụ HCC
1.7	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Văn phòng HĐND-UBND
1.8	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng HĐND-UBND
1.9	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng HĐND-UBND
1.10	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 85	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
2	Hạ tầng số		Tiến tiến, hiện đại	Phòng Văn hóa-Xã hội
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100	Phòng Văn hóa-Xã hội

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
4	Phủ sóng 5G cho người dân	%	100	Phòng Văn hóa-Xã hội
5	Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Văn phòng HĐND-UBND
6	Hoàn thành thu thập dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành theo sự chỉ đạo của thành phố.	%	100	Công an phường
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 75	Phòng Văn hóa-Xã hội
8	Các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo			
8.1	Mức độ CDS đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn phường đạt mức 2 trở lên	%	> 95% đối với cơ sở giáo dục phổ thông; > 95% đối với các cơ sở giáo dục mầm non.	Phòng Văn hóa-Xã hội
8.2	Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số	%	100	Phòng Văn hóa-Xã hội
8.3	Cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học.	%	100	Phòng Văn hóa-Xã hội
8.4	Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	95	Phòng Văn hóa-Xã hội
8.5	Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	%	100	Phòng Văn hóa-Xã hội

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
II	Đến năm 2045			
1	Mức độ CDS đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn thành phố đạt mức 2 trở lên	%	100	Phòng Văn hóa-Xã hội
2	Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	100	Phòng Văn hóa-Xã hội
3	Cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và ĐMST hoạt động thường xuyên.	%	100	Phòng Văn hóa-Xã hội

PHỤ LỤC 2: CÁC CHỈ TIÊU THEO DÕI ĐÁNH GIÁ THEO GIAI ĐOẠN 05 NĂM

TT	Tên nhiệm vụ	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Người chỉ đạo	Người theo dõi	Sản phẩm đầu ra
I	Phát triển hạ tầng										
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trong khu đô thị trên địa bàn phường	$\geq 60\%$	100%	-	-	-	Phòng VHXXH	Đơn vị cung ứng: VNTP, Viettel,...	Lê Văn Thúc	Đỗ Văn Thanh	Báo cáo kết quả thực hiện
2	Tỉ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn phường	-	-	50%	80%	100%	Phòng VHXXH	Đơn vị cung ứng: VNTP, Viettel,...	Lê Văn Thúc	Đỗ Văn Thanh	Báo cáo kết quả thực hiện
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps	$\geq 60\%$	100%	-	-	-	Phòng VHXXH	Đơn vị cung ứng: VNTP, Viettel,...	Lê Văn Thúc	Đỗ Văn Thanh	Báo cáo kết quả thực hiện
II	Phát triển nguồn lực										
1	Bố trí kinh phí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo từ nguồn chi ngân sách địa phương.	Theo phân bổ, hướng dẫn của Thành phố	Theo phân bổ, hướng dẫn của Thành phố	Theo phân bổ, hướng dẫn của Thành phố	Theo phân bổ, hướng dẫn của Thành phố	Theo phân bổ, hướng dẫn của Thành phố	Phòng KT, HT và ĐT	Các phòng, ban, cơ quan đơn vị	Nguyễn Thị Vân Anh	Hoàng Thị Như	Báo cáo kết quả

TT	Tên nhiệm vụ	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Người chỉ đạo	Người theo dõi	Sản phẩm đầu ra
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức thường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	90%	100%	100%	-	-	Phòng VHXXH	Các phòng, ban, cơ quan đơn vị	Lê Văn Thức	Đỗ Văn Thanh	Báo cáo kết quả
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	90%	100%	100%	-	-	Phòng VHXXH	Các phòng, ban, cơ quan đơn vị	Lê Văn Thức	Đỗ Văn Thanh	Báo cáo kết quả
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	80%	90%	95%	97%	100%	Phòng VHXXH	Công an, TT y tế, Bảo hiểm	Lê Văn Thức	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Báo cáo kết quả thực hiện
5	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).	-	-	-	80-90%	≥ 90%	Phòng VHXXH	Công an, TT y tế, Bảo hiểm, phòng KT, HT và Đô thị	Lê Văn Thức	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Báo cáo kết quả thực hiện

TT	Tên nhiệm vụ	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Người chỉ đạo	Người theo dõi	Sản phẩm đầu ra
6	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên;	$\geq 75\%$	$\geq 95\%$	100%	-	-	Phòng VHXXH	Các cơ sở giáo dục	Lê Văn Thúc	Đào Thị Thuý Hằng	Báo cáo kết quả thực hiện; Các báo cáo theo bộ chỉ số
7	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non và cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ CDS đạt mức 2 trở lên	$\geq 70\%$	$\geq 90\%$	$\geq 95\%$	100%	-	Phòng VHXXH	Các cơ sở giáo dục	Lê Văn Thúc	Đào Thị Thuý Hằng	Các báo cáo theo bộ chỉ số
8	Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường;	$\geq 90\%$	100%	-	-	-	Phòng VHXXH	Các cơ sở giáo dục, đơn vị cung cấp chữ ký số	Lê Văn Thúc	Đào Thị Thuý Hằng	Các báo cáo theo bộ chỉ số
9	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học	100%	-	-	-	-	Phòng VHXXH	Các cơ sở giáo dục	Lê Văn Thúc	Đào Thị Thuý Hằng	Các báo cáo theo bộ chỉ số

TT	Tên nhiệm vụ	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Người chỉ đạo	Người theo dõi	Sản phẩm đầu ra
10	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học	-	100%	-	-	-	Phòng VHXX	Các cơ sở giáo dục	Lê Văn Thúc	Đào Thị Thuý Hằng	Báo cáo kết quả thực hiện; Các báo cáo theo bộ chỉ số
11	Tỷ lệ Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, ĐMST vào các môn học và hoạt động giáo dục	-	≥ 95%	≥ 97%	100%	-	Phòng VHXX	Các cơ sở giáo dục	Lê Văn Thúc	Đào Thị Thuý Hằng	Các báo cáo theo bộ chỉ số
III	Phát triển khoa học, công nghệ										
1	Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân theo kế hoạch						Các phòng ban, đơn vị	Các phòng ban, đơn vị	Trưởng Các phòng ban, đơn vị	Công chức được phân công	Báo cáo kết quả thực hiện

TT	Tên nhiệm vụ	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Người chỉ đạo	Người theo dõi	Sản phẩm đầu ra
IV	Phát triển chuyển đổi số										
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	$\geq 70\%$	100%	-	-	-	TTPV HCC	Các phòng ban, đơn vị	Nguyễn Như Độ	Nguyễn Thục Hiền	Báo cáo kết quả thực hiện
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	-	-	-	-	TTPV HCC	Các phòng ban, đơn vị	Nguyễn Như Độ	Nguyễn Thục Hiền	Báo cáo kết quả thực hiện
3	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	$\geq 70\%$	100%	-	-	-	TTPV HCC	Các phòng ban, đơn vị	Nguyễn Như Độ	Nguyễn Thục Hiền	Báo cáo kết quả thực hiện
4	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	100%	100%	-	-	-	TTPV HCC	Các phòng ban, đơn vị	Nguyễn Như Độ	Nguyễn Thục Hiền	Báo cáo kết quả thực hiện

TT	Tên nhiệm vụ	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Người chỉ đạo	Người theo dõi	Sản phẩm đầu ra
5	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	100%	100%	100%	-	-	TTPV HCC	Đơn vị cung ứng Viettel, VNPT	Nguyễn Như Độ	Nguyễn Thục Hiền	Báo cáo kết quả thực hiện
6	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý hoàn toàn trực tuyến	≥ 80%	≥ 85%	≥ 95%	100%	100%	TTPV HCC	Các phòng ban, đơn vị	Nguyễn Như Độ	Nguyễn Thục Hiền	Báo cáo kết quả thực hiện
7	Tỷ lệ hệ thống thông tin vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	-	-	-	100%	100%	Các phòng ban, đơn vị	Các phòng ban, đơn vị	Trưởng Các phòng ban, đơn vị	Công chức được phân công	Báo cáo kết quả thực hiện
8	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của phường được số hóa & liên thông	-	-	100%	100%	100%	TTPV HCC	Các phòng ban, đơn vị	Nguyễn Như Độ	Nguyễn Thục Hiền	Báo cáo kết quả thực hiện
9	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	≥ 85%	≥ 90%	≥ 95%	100%	100%	Công an phường	Các phòng ban, cơ quan, đơn vị, Tổ dân phố	Nguyễn Văn Bắc	Cán bộ công an được phân công	Báo cáo tổng hợp về số lượng

TT	Tên nhiệm vụ	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Người chỉ đạo	Người theo dõi	Sản phẩm đầu ra
10	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	-	$\geq 10\%$	20%	30%	40%	Công an phường	Các phòng ban, cơ quan, đơn vị, Tổ dân phố	Nguyễn Văn Bắc	Cán bộ công an được phân công	Báo cáo tổng hợp về số lượng
11	Đảng ủy, chính quyền sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.		-	-	-	-	Văn phòng UBND, Văn phòng Đảng ủy	Cổng TT chỉ đạo điều hành Hải Phòng	Lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn	Công chức Văn phòng HĐND-UBND	Báo cáo kết quả
12	Tiếp tục đẩy mạnh thương mại điện tử.	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Phòng KT, HT và ĐT	Các ngân hàng, tổ chức tín dụng, đơn vị cung cấp phần mềm, Thuế,...	Lãnh đạo Phòng KT, HT và ĐT	Công chức Phòng KT, HT và ĐT	Báo cáo kết quả

PHỤ LỤC 3: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI

Stt	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn thành phố về phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
1	Xây dựng kế hoạch của UBND phường về việc thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị theo hướng “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”.	Phòng Văn hóa-Xã hội	Phòng, ban chuyên môn	Kế hoạch	10/2025
2	Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng đa dạng hóa, thông qua phát thanh, truyền hình, trên các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác; cụ thể hóa cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp.	Phòng Văn hóa-Xã hội	Trung tâm Văn Hóa-Thể Thao-Truyền thông	Báo cáo số liệu	Thường xuyên
3	Xây dựng chuyên mục về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên hệ thống phát thanh, công TTĐT; thường xuyên tuyên truyền kết quả thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW trên Cổng thông tin điện tử, loa truyền thanh phường, fanpage của phường.	Trung tâm Văn Hóa-Thể Thao-Truyền thông	Phòng Văn hóa-Xã hội	Chuyên mục, báo cáo số lượng tin bài	Thường xuyên

Stt	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
4	Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ nhiệm vụ chuyển đổi số của địa phương do cấp trên tổ chức; Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.	Phòng Văn hóa-Xã hội	Phòng, ban, đơn vị	Tham gia các khóa học, lớp học, tập huấn, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức	Theo lịch
5	Phát động phong trào thi đua thiết thực trong từng ngành, từng lĩnh vực, thu hút sự tham gia của đông đảo cán bộ, đảng viên, đội ngũ tri thức, người dân và cộng đồng doanh nghiệp thực hiện cuộc cách mạng chuyển đổi số. Thực hiện khen thưởng, biểu dương kịp thời bằng nhiều hình thức cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển KH-CN, ĐMST và chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nâng cao hiệu quả, hiệu suất công việc dù là nhỏ nhất.	Phòng Văn hóa-Xã hội	Phòng, ban, đơn vị	Sản phẩm sáng chế, phát minh, sáng kiến	10/2025

Stt	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
II	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
1	Rà soát các quy định pháp luật liên quan về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, đơn vị	Báo cáo, đề xuất, văn bản	Thường xuyên
2	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ; tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp	Các phòng, ban chuyên môn, đơn vị thuộc phường; công an phường; đơn vị liên quan		Báo cáo, đề xuất, văn bản	Thường xuyên
3	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp, triển khai tiếp cận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi phường	Các phòng, ban chuyên môn, đơn vị thuộc phường; công an phường; đơn vị liên quan		Báo cáo	Thường xuyên

Stt	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
4	Ứng dụng công nghệ thông tin, CDS phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thông tin, báo cáo và phối hợp giữa phòng ban, các cơ quan, đơn vị của phường và cơ quan cấp trên đảm bảo vận hành chính quyền 02 cấp thông suốt, hiệu quả, kịp thời.	Phòng Văn hóa-Xã hội	Văn phòng HĐND-UBND, phòng, ban chuyên môn	Báo cáo	Thường xuyên
5	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai	Phòng Kinh tế-Hạ tầng và Đô thị	Công an phường, phòng, ban liên quan	CSDL	Theo Kế hoạch/đề án của cấp trên
III	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST và CDS				
1	Cân đối ngân sách của phường dành cho hoạt động KHCN, ĐMST và CDS phù hợp với khả năng của ngân sách của phường	Phòng Kinh tế-Hạ tầng và Đô thị	Phòng Văn hóa-Xã hội	Báo cáo	Thường xuyên
2	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại công việc.	Phòng Văn hóa-Xã hội	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, phòng, ban liên quan	Báo cáo	Thường xuyên
3	Triển khai đề xuất cấp chứng thư số đến 100% cán bộ, công chức của phường	Phòng Văn hóa-Xã hội	Phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	11/2026

Stt	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
4	Khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc phường			Sau khi hệ thống dữ liệu được hoàn thành
5	Khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số tại cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng vạn vật (IoT) để trở thành cụm công nghiệp thông minh. Thúc đẩy, phát triển một số ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghiệp Internet vạn vật như sản xuất thương mại, nông nghiệp...	Phòng kinh tế, Hạ tầng và đô thị	Công ty, doanh nghiệp	Báo cáo	Thường xuyên
6	Hướng dẫn và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu trên địa bàn phường	Công an	Phòng, ban đơn vị liên quan	Theo văn bản hướng dẫn của thành phố	Thường xuyên
IV	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
1	Rà soát, bố trí cán bộ, công chức phụ trách về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin của UBND phường	Phòng Văn hóa-Xã hội		Phân công cán bộ, công chức phụ trách	Năm 2025

Stt	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
2	Tăng cường tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng kiến thức về KHCN, ĐMST, kỹ năng số, công nghệ số do cấp trên tổ chức; Tích hợp, lồng ghép nội dung CDS, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng; Phát động phong trào “học tập số”, Chương trình “Bình dân học vụ số” nhằm mang lại cơ hội tiếp cận tri thức và nâng cao năng lực học tập cho người dân, đảm bảo tính phổ cập và hiệu quả	Phòng Văn hóa-Xã hội	Phòng, ban, đơn vị liên quan	Tham gia các lớp học, khóa học; Kế hoạch	Thường xuyên
V	Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				
1	Xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số, ứng dụng KHCN, CDS trong cơ quan nhà nước hàng năm	Phòng Văn hóa-Xã hội	Phòng, ban liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
2	Triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số chuyên dùng (Phần mềm, phần cứng) phục vụ nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước.	Phòng Văn hóa-Xã hội	Phòng, ban liên quan	Hạ tầng tiên tiến, hiện đại, đáp ứng yêu cầu công việc	Thường xuyên
3	Triển khai các nền tảng số, thực hiện xây dựng số hóa các dữ liệu, tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu trên nền tảng chung của thành phố	Các phòng chuyên môn UBND phường		Báo cáo	Thường xuyên

Stt	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	Nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết TTHC, số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến, xác thực điện tử, chữ ký số, thanh toán điện tử.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phòng chuyên môn	Báo cáo	Thường xuyên
4	Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hóa, các di sản văn hóa ưu tiên các di tích đã được xếp hạng.	Phòng Văn hóa-Xã hội	Trung tâm Văn hóa-TT-TT	Số hóa di tích	Thường xuyên
5	Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trọng tâm của phường và liên kết chuỗi giá trị sản phẩm trên địa bàn thành phố	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Đơn vị liên quan	Kế hoạch/đề án, báo cáo	Thường xuyên
6	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên nền tảng số và không gian mạng.	Công an	Phòng, ban liên quan	Báo cáo	Thường xuyên
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động KHCN, ĐMST và CDS trong doanh nghiệp				
1	Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh hợp tác xã ứng dụng các nền tảng số, công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh.	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Báo cáo	Thường xuyên
2	Khuyến khích các hộ kinh doanh, doanh nghiệp ứng dụng các nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh; ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp; đưa thương mại điện tử, chữ ký số vào hoạt động mua, bán nông sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm thế mạnh của địa phương.	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Báo cáo	Thường xuyên

Stt	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
VII	Tăng cường hợp tác trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
1	Tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ nước ngoài đầu tư, sản xuất, đặt trụ sở tại cụm Công nghiệp của phường	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Sở Công thương, công ty, doanh nghiệp	Số lượng các hoạt động đã tham gia	Theo thời gian tổ chức của các hoạt động